TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án: **18** /2019/HNGĐ - ST
Ngày 26 - 11 - 2019
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Văn Khôi;

2. Bà Hoàng Thị Chung;

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Thiện – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019; tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXX-ST, ngày 07 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Tơ Thị S, sinh năm 1997; Có mặt
Địa chỉ: thôn V, xã G, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

**** Bị đơn:*** Anh Lại Văn H, sinh năm 1991; Có mặt
Địa chỉ: thôn V, xã G, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Tơ Văn N, sinh năm 1975; bà La Thị M, sinh năm 1974; Có mặt
Địa chỉ: Thôn V, xã G, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Mai Văn D sinh năm 1982; Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Phố B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình tham gia tố tụng có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Tơ Thị S trình bày:

a) Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn cùng anh H vào ngày 01 tháng 01 năm 2016, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G. Sau ngày cưới chị về gia đình anh H ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ tháng 08 năm 2018, do vợ chồng không hợp nhau, anh H đã đi ngoại tình, chị bảo nhiều lần nhưng anh H không nghe ai nên vợ chồng hay cãi nhau và anh H đã đánh chị nhiều lần; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 08/2019 cho đến nay, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn nhau.

b) Về con chung: Chị và anh H có 2 con chung, cháu Lại Bảo H, sinh ngày 28/11/2016 và cháu Lại Huy H1, sinh ngày 29/7/2018; hiện cả cháu đang ở cùng anh H. Nếu vợ chồng ly hôn chị xin nuôi cháu lớn, anh H nuôi cháu bé, về cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận.

c) Về tài sản chung, công nợ: Quá trình chung sống với nhau chị và anh H có tài sản là 01 nhà cấp 4 đổ trần có 4 gian lợp ngói, trên tổng diện tích đất 490m^2, đất đã kê khai làm sổ, nộp thuế l là đất vườn nên chưa có giấy chứng nhận QSDĐ; 01 téc nước loại 2000 lít và 01 tủ lạnh. Ngoài ra còn 1 số tài sản nhỏ khác hai bên tự phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Nợ bà La Thị M, ông Tơ Văn N tiền làm nhà: 180.000.000đ. Ông Mai Văn D, bà Hoàng Thị C tiền mua vật liệu xây dựng: 87.550.000đ.

Chị hiện nay không có chỗ ở nên chị yêu cầu khi chia tài sản chị được sở hữu nhà và 1 phần đất, chia cho anh H téc nước, tủ lạnh và 1 phần đất. Do anh H có thu nhập thấp và điều kiện kinh tế gia đình bố mẹ đẻ anh H khó khăn, chị và bố mẹ đẻ có điều kiện kinh tế nên chị đề nghị được quản lý nhà, chị trả tiền chênh lệch chia tài sản cho anh H và toàn bộ tiền công nợ.

2. Bị đơn anh Lại Văn H xác nhận một phần lời khai của chị Tơ Thị S trong quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa anh trình bày:

a) Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn cùng chị S vào ngày 23 tháng 11 năm 2015 (âm lịch), trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G. Sau ngày cưới chị S về gia đình anh ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, chị S nói anh ngoại tình là không đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ khoảng năm 2018, nguyên nhân là vợ bất đồng về quan điểm lối sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay.

Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị S xin ly hôn anh không đồng ý.

b) Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm: Cháu Lại Bảo H, sinh ngày 28/11/2016 và cháu Lại Huy H1, sinh ngày 29/7/2018, nếu ly hôn anh có nguyện vọng xin nuôi cả 02 con chung, anh không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

c) Về tài sản, công nợ: Về tài sản chung của anh và chị S có trong thời kỳ hôn nhân gồm: 01 thửa đất vườn ở thôn V, xã Giáo Liêm diện tích 490m^2, chưa có GCNQSDĐ, trên đất còn có 01 căn nhà cấp 4 đổ trần lợp ngói, 01 tường rào xây cay, 01 téc nước Việt H và 01 tủ lạnh Sam sung.

Về công nợ: Vợ chồng có vay nợ tiền để làm nhà của ông N, bà M số tiền là 180.000.000đ, nợ tiền vật liệu xây dựng làm nhà của ông D, bà C số tiền là 87.550.000đ.

Ngoài ra còn một số tài sản là đồ dùng sinh hoạt có giá trị thấp anh không kê khai, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng anh và chị S ly hôn nhau thì anh đề nghị Tòa án giao cho anh sở hữu đất và toàn bộ tài sản trên đất, ngoài ra anh sẽ chịu trách nhiệm trả tất cả các khoản nợ.

3. Lời trình bày của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

a) Lời trình bày của ông Mai Văn D, bà Hoàng Thị C như sau: Khoảng tháng 02/2019 vợ chồng ông bà có cung ứng vật liệu xây dựng cho anh H, chị S để làm nhà, đến nay anh H, chị S còn nợ số tiền là 87.550.00đ.

Nay ông bà yêu cầu anh H và chị S phải trả nợ số tiền trên cho ông bà ngay số tiền nợ.

b) Lời trình bày của ông Tơ Văn N, bà La Thị M: Khoảng tháng 3 năm 2019 ông bà có cho anh H, chị S là con gái, con rể vay tiền 2 lần là 160.000.000đ và mua tủ, lợn, rượu hết 20.000.000đ; tổng cộng là 180.000.000đ, hiện chưa trả.

Nay chị Sơn và anh H xin ly hôn thì ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền anh H, chị S nợ cho ông bà; buộc anh H và chị S phải có nghĩa vụ trả nợ tiền cho ông bà ngay. Nếu cháu S được quản lý, sở hữu nhà + đất thì ông bà cam đoan có trách nhiệm cho chị S tiền để thanh toán tiền công nợ và chia tài sản.

* Tại phiên toà hôm nay chị Tơ Thị S vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn nhau, về con chung và tài sản giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh H không nhất trí với toàn bộ ý kiến của chị S đưa ra.

4. Do các đương sự không phân chia được tài sản và không thỏa thuận được giá trị tài sản nên Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định và định giá đối với tài sản như sau:

* Kết quả xem xét, thẩm định: 01 thửa đất vườn ở thôn V, xã Giáo Liêm diện tích 490m^2, đất chưa có GCNQSDĐ. Về tài sản trên đất có 01 căn nhà cấp 4 (đổ trần lợp ngói) diện tích 107,7m^2, tường rào xây cay 39,51m^2, 01 téc nước Việt Hà loại 2000 lít (mua tháng 3/2019) và 01 tủ lạnh Samsung dung tích 299 lít (mua tháng 3/2019). Toàn bộ diện tích đất 490m^2 của vợ chồng anh H, chị S đã có tường bao xây quanh.

Ngoài ra còn số số tài sản khác giá trị thấp nên anh H và chị S không yêu cầu tiến hành xem xét, thẩm định.

* Kết quả định giá: 01 thửa đất vườn ở thôn V, xã Giáo Liêm diện tích 490m^{2}x 150.000đ/m^2 = 73.500.000đ; 01 căn nhà cấp 3, diện tích 107,7m^2 x 3.200.000đ/m^2 = 344.640.000đ; tường rào xây cay 39,51m^2 x 140.000đ/m^2 = 5.530.000đ, 01 téc nước Việt Hà loại 2000 lít trị giá = 4.000.000đ và 01 tủ lạnh Samsung dung tích 299 lít trị giá = 8.000.000đ. Tổng giá trị tài sản định giá: 435.670.000đ.

* Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 57, 58, 59, 60, 62, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 166, 219 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật dân sự. Khoản 4, Điều 147; Điều 271; khoản 1, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tơ Thị S và anh Lại Văn H được ly hôn nhau.

2. Về con chung: Giao cho chị Tơ Thị S tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lại Bảo H, sinh ngày 28/11/2016; anh Lại Văn H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lại Huy H1, sinh ngày 29/7/2018. Về cấp dưỡng nuôi con anh H, chị S không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, công nợ:

* Giao cho chị Tơ Thị S được quản lý, sử hữu gồm: 01 phần thửa đất vườn có diện tích 325,83m^2 (diện tích đất được chia tách từ diện tích đất 490m^2), đất chưa có GCNQSDĐ, có độ dài và các điểm như sau: Từ điểm B – I = 25,75m, Từ điểm B- C = 7,1m, Từ điểm C – K = 25,6m, Từ điểm K – I = 17,45m. Về tài sản trên đất có 01 căn nhà cấp 4 (đổ trần lợp ngói) diện tích 107,7m^2, tường rào xây cay trên đất 10,51m^2, 01 téc nước Việt Hà loại 2000 lít.

Nhưng chị S phải có trách nhiệm trả nợ cho: Bà La Thị M, ông Tơ Văn N số tiền: 180.000.000đ; ông Mai Văn D, bà Hoàng Thị C số tiền: 87.550.000đ và cho anh Lại Văn H số tiền chênh lệch chia tài sản là 47.374.500đ.

* Giao cho anh Lại Văn H được quản lý, sở hữu gồm: 01 phần diện tích đất vườn 164,17m^2 (diện tích đất này được chia ra trong diện tích đất 490m^2), có độ dài và các điểm như sau: Từ điểm A – I = 10,65m, từ điểm A - D = 20,4m, từ điểm D – K = 6,7m, từ điểm K – I = 17,45m; 01 tủ lạnh loại sam sung, tường bao trên đất được giao 29m^2 và số tiền chênh lệch chia tài sản do chị S trả là 47,374.500đ. (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Về án phí: Chị Sơn được miễn án phí DSST ly hôn; anh H và chị S được miễn án phí DSST chia tài sản.

Về phí thẩm định: Anh H và chị S phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:*** Bà Hoàng Thị C ủy quyền cho ông Mai Văn D đại diện tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật, cần được chấp nhận theo Điều 138 của Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung:

a) Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai, tài liệu chứng cứ của nguyên đơn chị Tơ Thị S, bị đơn anh Lại Văn H cung cấp và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định: Chị Tơ Thị S kết hôn cùng anh Lại Văn H vào ngày 01 tháng 01 năm 2016, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới, sau có đăng ký kết hôn tại UBND xã G số 20 ngày 18/8/2016. Sau ngày cưới chị S về gia đình anh H ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh H là hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ tháng 08 năm 2018, do vợ chồng không hợp nhau, bảo nhau làm ăn phát triển kinh tế không ai nghe ai nên vợ chồng hay cãi nhau và anh H đã đánh chị S nhiều lần; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 08/2019, chị S đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay.

Quá trình anh H, chị S chung sống với nhau có bảo nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế nhưng không ai nghe ai nên vợ chồng đã hay cãi nhau và anh H đã đánh chị S nhiều lần là có thật, vợ chồng đã sống thời gian ly thân kéo dài không đoàn tụ được, quá trình sống ly thân anh H có đến khuyên bảo chị S về đoàn tụ 01 lần nhưng chị S không đồng ý. Anh H, chị S đã vi phạm nghĩa vụ sống chung với nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không

thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tơ Thị S; cho chị S và anh Hđược ly hôn nhau theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

b) Về con chung: Vợ chồng anh H và chị S có 02 con chung gồm: Cháu Lại Bảo H, sinh ngày 28/11/2016 và cháu Lại Huy H1, sinh ngày 29/7/2018, hiện nay 02 cháu đang ở với anh H. Chị S có nguyện vọng mỗi người nuôi dưỡng 01 con, anh Sơn có nguyện vọng xin nuôi cả 02 con. Hiện cả 02 cháu đều dưới 36 tháng tuổi, theo quy định của pháp luật thì phải giao cho chị S nuôi cả 02 cháu, nhưng chị S có nguyện vọng nuôi cháu H, để anh H nuôi cháu H1, thấy nguyện vọng của chị S đưa ra là hợp lý cần được chấp nhận; nguyện vọng của anh H đưa ra là không hợp lý, nên không được chấp nhận. Để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng các cháu được ổn định, căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh của anh H, chị S và sự chăm sóc của các cháu hiện tại, thấy cần giao cho chị Tơ Thị S nuôi dưỡng cháu Lại Bảo H, sinh ngày 28/11/2016; anh Lại Văn H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lại Huy H, sinh ngày 29/7/2018. Về cấp dưỡng nuôi con anh H, chị S không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

c) Về khối tài sản mà anh H, chị S tranh chấp được xác định có trong thời kỳ hôn nhân gồm có:

01 mảnh đất vườn ở thôn V, xã Giáo Liêm diện tích 490m^2, đất chưa có GCNQSDĐ. Về tài sản trên đất có 01 căn nhà cấp 3 (đổ trần lợp ngói) diện tích 107,7m^2, 01 tường rào xây cay có diện tích 39,51m^2, 01 téc nước Việt Hà loại 2000 lít (mua tháng 3/2019) và 01 tủ lạnh Sam sung dung tích 299 lít (mua tháng 3/2019).

Ngoài ra còn số số tài sản khác giá trị thấp nên anh H và chị S không yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, giải quyết trong vụ án.

* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Tơ Thị S và anh Lại Văn H đều xác định nguồn tài sản đều hình thành trong thời ky hôn nhân của vợ chồng, chỉ có hai vợ chồng là người có công sức đóng góp tạo lập khối tài sản trên; anh H, chị S đều yêu cầu giải quyết chia tài sản theo quy định của pháp luật. Hiện anh H và chị S đều không có chỗ ở nào khác ngoài nhà đất vợ chồng có trong thời kỳ hôn nhân và đều có nguyện vọng được chia nhà + đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tơ Văn N, bà La Thị M và ông Mai Văn D, bà Hoàng Thị C có ý kiến: Toàn bộ số tiền anh H, chị S nợ đều là tiền vay và tiền mua vật liệu để làm nhà; vợ chồng ông N bà M và vợ chồng ông D, bà C đều yêu cầu ai là người quản lý tài sản là đất gắn liền với nhà thì phải có trách nhiệm trả tiền nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh H và chị S chỉ có 01 nhà xây dựng trên 01 thửa đất, nguyện vọng của anh H và chị S yêu cầu được chia nhà + đất là chính đáng; do vậy, về diện tích đất 490m^2 được xem xét chia cho anh H, chị S mỗi người một phần; về nhà thì xét điều kiện hoàn cảnh kinh tế và để sau này việc trả

nợ và thanh toán tiền chia tài sản có khả thi trong việc thi hành án, cần giao nhà + 1 phần đất cho chị S quản lý, sở hữu; anh H quản lý 1 phần đất và số tài sản khác là hợp lý.

* Từ những nhận định trên thì tài sản được chia như sau:

- Giao cho chị Tơ Thị S được quản lý, sử hữu gồm: 01 phần thửa đất vườn có diện tích 325,83m^2 (diện tích đất được chia tách từ diện tích đất 490m^2), đất chưa có GCNQSDĐ, có độ dài và các điểm như sau: Phía giáp đất ông Mạ từ điểm B – I = 25,75m, Phía giáp đất ông Mạ từ điểm B- C = 7,1m, Phía giáp đất đường đi và đất ông Dầu từ điểm C – K = 25,6m, Phía giáp đất chia cho anh H từ điểm K – I = 17,45m. Về tài sản trên đất có 01 căn nhà cấp 4 (đổ trần lợp ngói) diện tích 107,7m^2, tường rào xây cay trên đất 10,51m^2, 01 téc nước Việt Hà loại 2000 lít. Tổng giá trị tài sản chị S được quản lý, sở hữu là: 398.985.900đ.

Nhưng chị S phải có trách nhiệm trả cho: Vợ chồng bà La Thị M, ông Tơ Văn N số tiền vay nợ: 180.000.000đ; vợ chồng ông Mai Văn D, bà Hoàng Thị C tiền nợ mua vật liệu xây dựng: 87.550.000đ và cho anh Lại Văn H số tiền chênh lệch chia tài sản là 47.374.500đ.

- Giao cho anh Lại Văn H được quản lý, sở hữu gồm: 01 phần diện tích đất vườn 164,17m^2 (diện tích đất này được chia tách ra trong diện tích đất 490m^2), có độ dài và các điểm như sau: Phía giáp đất ông Mạ từ điểm A – I = 10,65m, Phía giáp đất ông Hùng từ điểm A - D = 20,4m, Phía giáp đất đường đi từ điểm D – K = 6,7m, Phía giáp đất chị Sơn từ điểm K – I = 17,45m; 01 tủ lạnh loại sam sung, tường bao theo đất được giao 29m^2 và số tiền chênh lệch chia tài sản do chị S trả là 47,374.500đ. Tổng giá trị tài sản và tiền anh H được quản lý, sở hữu là: 84.060.000đ.

Có sơ đồ đo vẽ kèm theo.

[3] Về án phí và phí thẩm định, định giá:

Về án phí: Chị Tơ Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí chia tài sản theo quy định, anh H phải chịu án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật; nhưng anh H, chị S đều là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí chia tài sản. Bà La Thị M, ông Tơ Văn N và ông Mai Văn D, bà Hoàng Thị C không phải chịu án phí DSST.

Về phí thẩm định: Tiền thẩm định hết 5.877.000đ do chị S nộp; anh H, chị S mỗi người chịu ½.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 57, 58, 59, 60, 62, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 166, 219 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật dân sự. Khoản 4, Điều 147; Điều 271; khoản 1, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tơ Thị S và anh Lại Văn H được ly hôn nhau.

[2] Về con chung: Giao cho chị Tơ Thị S tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lại Bảo H, sinh ngày 28/11/2016; anh Lại Văn H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lại Huy H1, sinh ngày 29/7/2018. Về cấp dưỡng nuôi con anh H, chị S không có yêu cầu. Anh H và chị S có quyền thăm con sau ly hôn, không ai được ản trở anh H và chị S.

[3] Về tài sản, công nợ:

3.1. Giao cho chị Tơ Thị S được quản lý, sử hữu gồm: 01 phần thửa đất vườn có diện tích 325,83m^2 (diện tích đất được chia tách ra từ diện tích đất 490m^2), đất chưa có GCNQSDĐ, có độ dài và các điểm như sau: Phía giáp đất ông Mạ từ điểm B – I = 25,75m, Phía giáp đất ông Mạ từ điểm B- C = 7,1m, Phía giáp đất đường đi và đất ông Dầu từ điểm C – K = 25,6m, Phía giáp đất chia cho anh H từ điểm K – I = 17,45m. Về tài sản trên đất có 01 căn nhà cấp 4 (đổ trần lợp ngói) diện tích 107,7m^2, tường rào xây cay trên đất 10,51m^2, 01 téc nước Việt Hà loại 2000 lít.

Nhưng chị S phải có trách nhiệm trả cho: Vợ chồng bà La Thị M, ông Tơ Văn N số tiền: 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng); vợ chồng ông Mai Văn D, bà Hoàng Thị C số tiền: 87.550.000đ (Tám mươi bẩy triệu năm trăm lăm mươi nghìn đồng) và cho anh Lại Văn H số tiền chênh lệch chia tài sản là 47.374.500đ (Bốn mươi bẩy triệu, ba trăm bẩy mươi tư nghìn năm trăm đồng).

3.2. Giao cho anh Lại Văn H được quản lý, sở hữu gồm: 01 phần diện tích đất vườn 164,17m^2 (diện tích đất này được chia tách ra trong diện tích đất 490m^2), có độ dài và các điểm như sau: Phía giáp đất ông Mạ từ điểm A – I = 10,65m, Phía giáp đất ông Hùng từ điểm A - D = 20,4m, Phía giáp đất đường đi từ điểm D – K = 6,7m, Phía giáp đất chị S từ điểm K – I = 17,45m; 01 tủ lạnh loại sam sung, tường bao trên đất được giao 29m^2 và số tiền chênh lệch chia tài sản do chị S trả là 47,374.500đ. (Có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Về lãi suất chậm Thi hành án: Thực hiện theo khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí và phí thẩm định, định giá:

4.1. Về án phí:

Chị Tơ Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí chia tài sản; anh Lại Văn H được miễn án phí chia tài sản

Hoàn trả ông Mai Văn D số tiền đã nộp tạm ứng án phí DSST: 2.158.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2010/007077, ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

4.2. Về phí thẩm định và định giá: Hết 5.877.000đ, chị S là người đã nộp số tiền trên. Chị S chịu 2.938.500đ nhưng được khấu trừ vào số tiền chị S đã nộp; anh H chịu 2.938.500đ, số tiền anh H nộp được trả cho chị S.

Án xử sơ thẩm; báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã G;
- Lưu .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Toàn